

Số: 3318 /TCT-DNL
V/v Chính sách thuế

Hà Nội, ngày 17 tháng 8 năm 2010

Kính gửi: Công ty Cổ Phần Than Vàng Danh- TKV.

Tổng cục Thuế nhận được công văn số 756/CV-TKKTTC ngày 05/6/2010 của Công ty cổ phần than Vàng Danh- TKV đề nghị giải đáp vướng mắc liên quan đến Chính sách thuế. Về vấn đề này Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

1. Về Thuế Tài nguyên

- Giá tính thuế Tài nguyên:

Tại khoản 1, khoản 4 và khoản 5 Điều 4 Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế tài nguyên quy định:

"1. Giá tính thuế tài nguyên là giá bán đơn vị sản phẩm tài nguyên của tổ chức, cá nhân khai thác chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

...

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể giá tính thuế tài nguyên quy định tại khoản 2, điểm b khoản 3 Điều này.

5. Bộ Tài chính quy định việc xác định giá tính thuế tài nguyên quy định tại điểm a, d khoản 3 Điều này và các trường hợp cụ thể khác."

Tại Điều 6 Phần II Thông tư số 105/2010/TT-BTC ngày 23/7/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên và hướng dẫn thi hành Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Thuế tài nguyên quy định:

"Điều 6: Giá tính thuế tài nguyên

Giá tính thuế tài nguyên là giá bán đơn vị sản phẩm tài nguyên của tổ chức, cá nhân khai thác chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 50/2010/NĐ-CP và phải được thể hiện trên chứng từ bán hàng, nhưng không được thấp hơn giá tính thuế tài nguyên do UBND cấp tỉnh quy định; trường hợp giá bán tài nguyên khai thác thấp hơn giá tính thuế tài nguyên do UBND cấp tỉnh thì tính thuế tài nguyên theo giá do UBND cấp tỉnh quy định..."

Căn cứ quy định trên, giá tính thuế tài nguyên là giá bán đơn vị sản phẩm tài nguyên của tổ chức, cá nhân khai thác chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng và phải được thể hiện trên chứng từ bán hàng, nhưng không được thấp hơn giá tính thuế tài nguyên do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định. Trường hợp tài nguyên chưa xác định được giá bán thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định hoặc Bộ Tài chính quy định việc

xác định giá tính thuế tài nguyên tùy thuộc vào từng trường hợp quy định tại Điều 4 Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ và được hướng dẫn cụ thể tại Điều 6 Thông tư số 105/2010/TT-BTC ngày 23/7/2010 của Bộ Tài chính.

- Thuế suất thuế tài nguyên:

Theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ thì từ ngày 01/7/2010 Nghị định số 05/2009/NĐ-CP ngày 19/01/2009 của Chính phủ sẽ hết hiệu lực thi hành và được thay thế bởi Nghị định số 50/2010/NĐ-CP. Theo đó, tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 50/2010/NĐ-CP quy định mức thuế suất cụ thể đối với từng loại tài nguyên thực hiện theo Biểu mức thuế suất thuế tài nguyên do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành kèm theo Nghị quyết số 928/2010/UBTVQH12 có hiệu lực từ ngày 01/7/2010.

Kiến nghị của Công ty giữ nguyên mức thuế suất như Nghị định số 05/2010/NĐ-CP của Chính phủ là vượt quá thẩm quyền của Tổng cục Thuế, Bộ Tài chính.

2. Về Thuế Thu nhập cá nhân

- Về việc tiền lương, tiền công làm đêm, làm thêm giờ:

Tại điểm 9, Mục III Phần A Thông tư số 84/2008/TT-BTC ngày 30/9/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và hướng dẫn thi hành Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 08/9/2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân quy định:

“ 9. Thu nhập từ phần tiền lương, tiền công làm việc ban đêm, làm thêm giờ được trả cao hơn so với tiền lương, tiền công làm việc ban ngày, làm việc trong giờ theo quy định của Bộ luật Lao động:

9.1. Phần tiền lương, tiền công trả cao hơn do phải làm việc ban đêm, làm thêm giờ được miễn thuế căn cứ vào tiền lương, tiền công thực trả do phải làm đêm, thêm giờ trừ đi mức tiền lương, tiền công tính theo ngày làm việc bình thường.

9.2. Đơn vị sử dụng lao động phải lập bảng kê phản ánh rõ thời gian làm đêm, làm thêm giờ, khoản tiền lương trả thêm do làm đêm, làm thêm giờ đã trả cho người lao động. Bảng kê này được gửi cho cơ quan thuế cùng với hồ sơ khai quyết toán thuế.”

Căn cứ quy định trên thì thu nhập từ tiền lương, tiền công làm đêm, làm thêm giờ chỉ được miễn thuế thu nhập cá nhân đối với phần tiền lương, tiền công làm đêm, làm ngoài giờ được trả cao hơn so với tiền lương, tiền công tính theo ngày làm việc bình thường, không được miễn toàn bộ. Do đó, Công ty phải thực hiện lập bảng kê phản ánh rõ thời gian làm đêm, làm thêm giờ, khoản tiền lương đã trả cho người lao động do làm đêm, làm thêm giờ theo quy định.

- Về thời hạn đăng ký người phụ thuộc giám trừ gia cảnh.

Tại điểm 3.1.8, Mục I, Phần B Thông tư số 84/2008/TT-BTC ngày 30/9/2008 của Bộ Tài chính quy định:

“...Trong năm nếu có sự thay đổi về người phụ thuộc so với đăng ký đầu năm

thì chậm nhất là sau 30 ngày kể từ ngày có thay đổi (tăng, giảm), đối tượng nộp thuế cần khai 02 bản đăng ký điều chỉnh người phụ thuộc theo mẫu số 16/DK-TNCN ban hành kèm theo Thông tư này gửi cho cơ quan trả thu nhập.

...

Trường hợp có phát sinh tăng, giảm người phụ thuộc so với đăng ký thì thời hạn nộp hồ sơ chậm nhất là sau 03 tháng kể từ ngày đăng ký điều chỉnh tăng, giảm người phụ thuộc..."

Căn cứ quy định nêu trên thì trường hợp cá nhân chưa đăng ký người phụ thuộc (do thu nhập dưới 4 triệu đồng/tháng), nếu thu nhập tăng lên trên 4 triệu đồng/tháng thì chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày cá nhân có thu nhập vượt mức 4 triệu đồng/tháng cá nhân phải thực hiện đăng ký người phụ thuộc để giảm trừ gia cảnh khi xác định thu nhập chịu thuế. Thời hạn nộp hồ sơ người phụ thuộc chậm nhất là sau 3 tháng kể từ ngày đăng ký điều chỉnh người phụ thuộc.

3. Về Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Tại điểm 2.3, Mục IV, Phần C Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 và hướng dẫn thi hành Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp quy định

" 2.3. Chi nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, hàng hoá phần vượt mức tiêu hao hợp lý.

Mức tiêu hao hợp lý nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, hàng hoá sử dụng vào sản xuất, kinh doanh do doanh nghiệp tự xây dựng. Mức tiêu hao hợp lý được xây dựng từ đầu năm hoặc đầu kỳ sản xuất sản phẩm và thông báo cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp trong thời hạn 3 tháng kể từ khi bắt đầu đi vào sản xuất theo mức tiêu hao được xây dựng. Trường hợp doanh nghiệp trong thời gian sản xuất kinh doanh có điều chỉnh bổ sung mức tiêu hao nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, hàng hoá thì doanh nghiệp phải thông báo cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp. Thời hạn cuối cùng của việc thông báo cho cơ quan thuế việc điều chỉnh, bổ sung mức tiêu hao là thời hạn nộp tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp. Trường hợp một số nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, hàng hoá Nhà nước đã ban hành định mức tiêu hao thì thực hiện theo định mức của Nhà nước đã ban hành."

Căn cứ quy định trên, đầu năm công ty phải xây dựng mức tiêu hao nguyên liệu, vật liệu, năng lượng, hàng hoá hợp lý và thông báo cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp trong thời hạn 3 tháng theo quy định. Trường hợp Công ty có điều chỉnh bổ sung mức tiêu hao nguyên liệu, vật liệu, năng lượng, hàng hoá thì phải thông báo cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp chậm nhất vào thời hạn nộp tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp.

Về kiến nghị của Công ty đề nghị không phải đăng ký mức tiêu hao nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, hàng hoá với cơ quan quản lý thuế hàng năm, Tổng cục Thuế xin ghi nhận để nghiên cứu báo cáo cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung chính sách thuế. Khi chưa có sửa đổi, bổ sung đề nghị Công ty thực hiện theo hướng dẫn trên đây.

Tổng cục Thuế thông báo đề Công ty CP Than Vàng Danh- TKV biết và thực hiện. *h*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Thuế tỉnh Quảng Ninh;
- Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam;
- Vụ PC; CS; TNCN (TCT);
- Lưu: VT, DNL (3b).

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**



Vũ Thị Mai

09594062